

再編後の 34 省・中央直轄市一覧

番号	再編後の省・市 (再編前の省・市)
1	トゥエンクアン省 (ハザン省+トゥエンクアン省)
2	カオバン省
3	ライチャウ省
4	ラオカイ省 (ラオカイ省+イエンバイ省)
5	タイグエン省 (バクカン省+タイグエン省)
6	ディエンビエン省
7	ラングソン省
8	ソンラ省
9	フート省 (ホアビン省+ビンフック省+フート省)
10	バクニン省 (バクザン省+バクニン省)
11	クアンニン
12	ハノイ市
13	ハイフォン市 (ハイズオン省+ハイフォン市)
14	フンイエ省 (タイビン省+フンイエ省)
15	ニンビン省 (ハナム省+ニンビン省+ナムディン省)
16	タインホア省

17	ゲアン省
18	ハティン省
19	クアンチ省 (クアンビン省+クアンチ省)
20	フエ市
21	ダナン市 (クアンナム省+ダナン市)
22	クアンガイ省 (クアンガイ省+コンツム省)
23	ザライ省 (ザライ省+ビンディン省)
24	ダクラク省 (フイエン省+ダクラク省)
25	カインホア省 (カインホア省+ニントゥアン省)
26	ラムドン省 (ダクノン省+ラムドン省+ビントゥアン省)
27	ドンナイ省 (ビンフオック省+ドンナイ省)
28	タイニン省 (ロンアン省+タイニン省)
29	ホーチミン市 (ビンスオン省+ホーチミン市+バリア ブンタウ省)
30	ドンタップ省 (ティエンザン省+ドンタップ省)
31	アンザン省 (キエンザン省+アンザン省)
32	ビンロン省 (ベンチェ省+ビンロン省+チャビン省)

33	カントー市 (ソクチャン省+ハウザン省+カントー市)
34	カマウ省 (バクリュウ省+カマウ省)

Dưới đây là danh sách 34 tỉnh thành mới từ ngày 12/6/2025:

STT	Tên tỉnh, thành phố mới (Tỉnh, thành được sáp nhập)
1	Tuyên Quang (Hà Giang + Tuyên Quang)
2	Cao Bằng
3	Lai Châu
4	Lào Cai (Lào Cai + Yên Bái)
5	Thái Nguyên (Bắc Kạn + Thái Nguyên)
6	Điện Biên
7	Lạng Sơn
8	Sơn La
9	Phú Thọ (Hòa Bình + Vĩnh Phúc + Phú Thọ)
10	Bắc Ninh (Bắc Giang + Bắc Ninh)
11	Quảng Ninh
12	TP. Hà Nội
13	TP. Hải Phòng (Hải Dương + Hải Phòng)
14	Hưng Yên (Thái Bình + Hưng Yên)
15	Ninh Bình (Hà Nam + Ninh Bình + Nam Định)
16	Thanh Hóa
17	Nghệ An
18	Hà Tĩnh
19	Quảng Trị (Quảng Bình + Quảng Trị)
20	TP. Huế

21	TP. Đà Nẵng (Quảng Nam + TP. Đà Nẵng)
22	Quảng Ngãi (Quảng Ngãi + Kon Tum)
23	Gia Lai (Gia Lai + Bình Định)
24	Đắk Lắk (Phú Yên + Đắk Lắk)
25	Khánh Hoà (Khánh Hòa + Ninh Thuận)
26	Lâm Đồng (Đắk Nông + Lâm Đồng + Bình Thuận)
27	Đồng Nai (Bình Phước + Đồng Nai)
28	Tây Ninh (Long An + Tây Ninh)
29	TP. Hồ Chí Minh (Bình Dương + TPHCM + Bà Rịa - Vũng Tàu)
30	Đồng Tháp (Tiền Giang + Đồng Tháp)
31	An Giang (Kiên Giang + An Giang)
32	Vĩnh Long (Bến Tre + Vĩnh Long + Trà Vinh)
33	TP. Cần Thơ (Sóc Trăng + Hậu Giang + Cần Thơ)
34	Cà Mau (Bạc Liêu + Cà Mau)